TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2023
V/v Ly hôn Minh – Quí

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tân.

Ông Võ Thái Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 08 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn M, sinh năm 1982.

- *Bị đơn*: Bà Lê Ngọc Q, sinh năm 1991.

Cùng trú tại: Tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Ông M có mặt, bà Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/03/2023 nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Ông và bà Q do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01 ngày 30 tháng 09 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bà Q đi làm rồi quen biết với người đàn ông khác, ông M cố gắng khuyên can để vợ chồng hàn gắn tình cảm sống nuôi con đến trưởng thành nhưng không được, khoảng tháng 02/2020 bà Q bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân bà Q không điện

thoại hay tới lui thăm hỏi con chung. Nay nhận thấy tình cảm không còn ông M yêu cầu ly hôn với bà Q

Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Ngọc Quí Q1, sinh ngày 14/7/2013 và Lê Ngọc Minh M1, sinh ngày 26/11/2006, hai con chung hiện tại đang sống chung ông M, khi ly hôn ông M yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Ngọc Q vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được địa phương cho biết: Ông M, bà Q có có nơi cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Hiện tại bà Q không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì thì địa phương không rõ, thi thoảng có thấy bà Q trở về nhà rồi lại tiếp tục đi. Tình trạng hôn nhân của ông M, bà Q như thế nào thì địa phương không nắm rõ, bà Q không còn chung sống với ông M khoảng hơn 03 năm nay.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bà Q không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho ông Lê Văn M được ly hôn bà Lê Ngọc Q. Giao hai con chung Lê Ngọc Quí Q1, sinh ngày 14/7/2013 và Lê Ngọc Minh M1, sinh ngày 26/11/2006 cho ông M nuôi dưỡng; bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông M yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà Q nên xã định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án.

[1.3] Về sự vắng mặt của dương sự: Bị đơn được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1 Về hôn nhân: Ông M và bà Q tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2010 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông M cho rằng bà Q có lối sống không chung thủy, đã bỏ nhà đi từ năm 2020 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông xin ly hôn bà Q.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…". Thế nhưng vợ chồng ông M, bà Q không còn chung sống khoảng 03 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho ông M được ly hôn bà Q.

[2.2] Về con chung: Ông M và bà Q2 có 02 con chung tên Lê Ngọc Minh M1, sinh ngày 26/11/2006 và Lê Ngọc Quí Q1, sinh ngày 14/7/2013 ông M đang nuôi dưỡng; hai con chung đều có nguyện vọng được sống chung với cha. Từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với ông M, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Q1, cháu M1 cho ông M nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông M không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[2.3] Ông M trình bày có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: ông M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M.

Về hôn nhân: Cho ông Lê Văn M được ly hôn bà Lê Ngọc Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01 ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân xã P không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao hai con chung Lê Ngọc Minh M1, sinh ngày 26/11/2006 và Lê Ngọc Quí Q1, sinh ngày 14/7/2013 cho ông M được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Q không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: Ông Lê Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006087 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Ông M không phải nộp thêm án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Q vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn